TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 205/2024/HNGĐ-ST Ngày: 27 - 9 - 2024 V/v ly hôn và tranh chấp về con chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh.

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên toà: Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố H. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn H; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Lương Văn H kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố H vào ngày 10 tháng 7 năm 2015. Sau khi cưới, chị L về chung sống cùng anh H tại thôn A, xã A, huyện T, H. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế; vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung để cùng nhau xây dựng gia đình và chăm nom con cái, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi mắng xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn, chị L và anh H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị L đề nghị được ly hôn anh Lương Văn H.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn H có ba con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2016; Lương Nguyệt A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Lương Trọng N, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2020. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Nguyệt A và để anh H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Lương Bảo N và Lương Trọng N. Cấp dưỡng nuôi con do chị và anh H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Lương Văn H không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lương Văn H là bị đơn, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai, song anh H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung và tài sản chung.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tống đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị L và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lương Văn H; Về con chung: Giao các con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2016; Lương Trọng N, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2020 cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung tên Lương Nguyệt A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2018 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung thành niên và

có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về N vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Phạm Thị L có đơn xin ly hôn với anh Lương Văn H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lương Văn H hiện đang cư trú tại thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Nguyên đơn là chị Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lương Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Lương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01, ngày 10 tháng 7 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thống nhất thể hiện, đời sống chung của chị L và anh H đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế, kinh tế chung gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Gia đình đã động viên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn, chị L và anh H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị L giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Lương Văn H; anh H vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Từ đây xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị L và anh H không còn khả năng đoàn tụ và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lương Văn H.

[4] Về con chung

Chị Phạm Thị L và anh Lương Văn H có ba con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2016; Lương Nguyệt A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Lương Trọng N, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2020. Khi ly hôn, chị L có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Nguyệt A; để anh H được trực tiếp nuôi

dưỡng con chung tên Lương Bảo N và Lương Trọng N. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thống nhất thể hiện: Kể từ khi chị L và anh H sống ly thân, con chung tên Lương Nguyệt A ở cùng với chị L; các con chung tên Lương Bảo N và Lương Trọng N ở cùng với anh H; việc nuôi dưỡng con chung của các đương sự đều đã ổn định. Đại diện gia đình của anh Lương Văn H có đề nghị để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng các con Lương Bảo N và Lương Trọng N. Mặt khác, con chung Lương Bảo N có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố và em trai. Vì vậy, để ổn định đời sống của các con chung, để đảm bảo N vụ, quyền lợi của cha mẹ đối với con cái, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung tên Lương Bảo N và Lương Trọng N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung tên Lương Nguyệt A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về N vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L đề nghị để chị và anh H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung

Chị Phạm Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Lương Văn H vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lương Văn H.

2. Về con chung:

Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Nguyệt A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2018 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2016 và Lương Trọng N, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2020 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0010018 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.

6.Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị L, anh Lương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A, H. Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Doãn Văn Sáng** **Đinh Thị Mến**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng.

2. Ông Hoàng Đức Cảnh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn H; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

- Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lương Văn H.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[2] Về con chung:

Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Nguyệt A, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2018 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2016 và Lương Trọng N, sinh ngày 04 tháng 9

năm 2020 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[3] Về N vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[5] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0010018 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[6] Về quyền kháng cáo

Chị Phạm Thị L, anh Lương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Doãn Văn Sáng** **Đinh Thị Mến**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 20 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Doãn Văn Sáng

Tiến hành thảo luận về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án dân sự thụ lý số 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn H; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

- Về nội dung: Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm nêu trên.

Thời gian mở lại phiên toà được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi giờ phút ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố H.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Doãn Văn Sáng** **Đinh Thị Mến**